TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2018/HSST
Ngày 26 tháng 11 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Bá Toàn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Thôn, ông Vì Văn Đôi
- Thư ký phiên toà:
Bà Hà Thị Điệp - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Mã.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên toà:
Ông Trần Mạnh Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2018/HSST ngày 02 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vàng A H** - Sinh năm 1970; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản N, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bí thư Chi bộ bản N, xã C, huyện S, đã bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy viên và đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 55 - QĐ/ĐU ngày 10/11/2017 của Đảng ủy xã Chiềng Cang, huyện Sông Mã và theo Quyết định số 81 - QĐ/UBKTHU ngày 24/01/2018 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Sông Mã; Con ông Vàng A P, con bà Sồng Thị D Bị cáo có vợ là Lù Thị C và 05 người con hiện nay đều đã trưởng thành; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Nguyên đơn dân sự:**
Cộng đồng dân cư bản Nhọt Có, xã Chiềng Cang, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.
Người đại diện: Ông Vàng A G là Phó trưởng bản - Vắng mặt.

*** Những người có nghĩa vụ liên quan:**
1. Lò Thị C - Sinh năm 1969
2. Vàng A Ư - Sinh năm 1997

Địa chỉ: Đều trú tại Bản N, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La - Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vàng A H và gia đình được Nhà nước cấp 136.763,5m^2 đất sản xuất nông nghiệp, nhưng H cho rằng đất đã bị bạc màu, sản xuất có năng xuất thấp, nên đầu tháng 3.2016 H bảo vợ là Lù Thị C và con trai là Vàng A Ư lên khu vực rừng Thẳm Sưa thuộc tiểu khu 666 khoảnh 1, lô f là rừng phòng hộ (đang được giao cho cộng đồng dân cư bản Nhọt Có, xã Chiềng Cang quản lý) để phát rừng làm nương, khi C và Ư đồng ý, H cùng C, Ư mỗi người mang theo một con dao quắm lên rừng chặt hạ cây. Ngày đầu cả ba người đều chặt hạ những cây bụi thấp và cây có đường kính khoảng dưới 12cm, ngày tiếp theo chặt những cây có đường kính 12cm trở lên; sau hai ngày chặt hạ thì H thấy diện tích đã đủ nên không chặt hạ nữa. Khoảng 01 tháng sau H bảo vợ, con cùng lên khu rừng đốt toàn bộ cây đã bị chặt hạ, H là người trực tiếp dùng bật lửa để đốt, còn C và Ư đi quanh khu vực rừng đã bị chặt hạ làm đường ranh giới để tránh cháy lan vào rừng. Đến tháng 6.2016 H đã trồng lúa nương trên diện tích đất này được một vụ và trồng khoảng 20 gốc cây mận hậu cao trung bình 70cm.

Sau khi phát hiện Vàng A H phá rừng làm nương, ngày 06/5/2017 Chủ tịch UBND xã Chiềng Cang, huyện Sông Mã ra Quyết định đình chỉ hành vi phá rừng trái pháp luật đối với gia đình anh Vàng A H.

Ngày 12/5/2017 tổ công tác gồm Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Hạt kiểm lâm huyện Sông Mã cùng với chính quyền xã Chiềng Cang tiến hành khám nghiệm hiện trường, dùng máy định vị GPS đã xác định được: Diện tích rừng bị chặt hạ là 5.689m^2 , địa điểm rừng bị chặt hạ thuộc tiểu khu 666, khoảnh 1, lô f là rừng phòng hộ trạng thái rừng IIb được giao cho cộng đồng dân cư bản Nhọt Có, xã Chiềng Cang quản lý và bảo vệ.

Đo đếm xác định khối lượng lâm sản bị thiệt hại là 710 cây (trong đó: số cây bị chặt có đường kính dưới 12cm là 625 cây không tính khối lượng theo Nghị định số 157/2013/NĐCP ngày 11/11/2013; Cây bị chặt hạ có đường kính từ 13cm đến 24 cm là 85 cây = 12,318 m^3 gỗ tròn nhóm VI).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 219/KL ngày 15/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện Sông Mã, kết luận: "625 cây gỗ có đường kính dưới 12cm, giá trị: 31.250.000 đồng; 85 cây gỗ tròn nhóm VI đường

kính từ 13 đến 24cm, khối lượng 12,318m^3 giá trị: 22.172.000 đồng. Tổng giá trị là 53.422.000 đồng".

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSSM ngày 01 tháng 02 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Sông Mã để xét xử Vàng A H về tội Hủy hoại rừng, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999.

Tại phiên toà kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Hủy hoại rừng; Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999, tương đương với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 BLHS năm 2015; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo từ 30 - 36 tháng tù xem xét cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Tại phiên tòa khi được nói lời sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, việc Tòa án đưa bị cáo ra xét xử về tội Hủy hoại rừng là đúng, bị cáo đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về các chứng cứ xác định tội danh: Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Báo cáo số 32 ngày 11/5/2017 của Hạt kiểm lâm huyện Sông Mã báo cáo về tình hình vi phạm phá rừng trái phép tại bản Nhọt Có, xã Chiềng Cang (trong đó có hộ gia đình của bị cáo).
- Biên bản khám nghiệm hiện trường lập vào hồi 09h10 ngày 12/5/2017 xác định hiện trường về lô khoảnh; diện tích rừng bị chặt phá bằng máy GPS, khối lượng lâm sản bị thiệt hại.
- Phiếu thông kê lâm sản bị thiệt hại (lập ngày 12/5/2017)
- Kết quả định giá lâm sản bị thiệt hại.

- Bản ảnh hiện trượng vụ án.

- Tài liệu là bản đồ giao đất, giao rừng năm 2002; sơ đồ chung các vụ phá rừng tại bản Nhọt có, xã Chiềng Cang; bản đồ khu vực vi phạm tại Tiểu khu 651, 666 thuộc bản Nhọt Có; sơ đồ khi vực bị cáo phá rừng tại TK 666-1-f.

- Quyết định đình chỉ số 46 ngày 06/5/2017 của UBND xã Chiềng cang đình chỉ việc phá rừng trái phép của bị cáo; bản câm kết của bị cáo.

- Tài liệu về việc giao đất giao rừng cho cộng đồng dân cư bản Nhọt Có, xã Chiềng Cang.

- Lời khai nhận tội của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa.

- Lời khai của Lò Thị C và Vàng A Ư là những người có liên quan trong vụ án.

Tại phiên toà bị cáo Vàng A H thừa nhận toàn bộ hành vi, bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án và hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc bị cáo đã thực hiện.

Hành vi chặt hạ 5.689m^2 rừng phòng hộ để làm nương của Vàng A H đã vượt quá mức tối đa xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại điểm c, khoản 5 Điều 20 Nghị định số 157/2013/NĐ- CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; Hành vi của bị cáo vi phạm Điều 12 Luật bảo vệ và phát triển rừng. Theo hướng dẫn tại điểm b tiểu mục 3.6 mục 3 phần IV Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản thì hành vi bị cáo thực hiện là hành vi hủy hoại rừng phòng hộ.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có cở sở kết luận: Bị cáo Vàng A H phạm tội Huỷ hoại rừng - Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 189 của Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

[3] Về việc áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015: Hành vi chặt hạ 5.689m^2 rừng phòng hộ của bị cáo theo quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999 thì bị cáo phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 189, nhưng theo quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 thì hành vi bị cáo thực hiện thỏa mãn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 (rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000m2 đến dưới 7.000m2) và có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm -

Như vậy Bộ luật hình sự năm 2015 quy định có lợi hơn, cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm hại đến sự phát triển bền vững và ổn định của môi trường, gây thiệt hại đến môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho môi trường sinh thái. Bị cáo nhận thức được hành vi mà mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáothành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã chủ động khắc phục một phần thiệt hại - là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Cần căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội nhằm trừng phạt, cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, răn đe, phòng ngừa và thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, có nhân thân tốt ngoài lần vi phạm này đều chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng - Vì những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy việc cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội theo quy định tại Điều 65 BLHS không gây ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm, phù hợp với quan điểm của Viện kiểm sát. Tuy nhiên trước khi thực hiện hành vi bị cáo là đảng viên Đảng cộng sản Việt nam, làm cán bộ bản đã lâu (công an viên, trưởng bản, bí thư chi bộ) đáng lẽ bị cáo phải sống nêu gương cho nhân dân trong bản, nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội, nên cần phải có một thời gian giám sát, giáo dục phù hợp để răn đe.

[5] Về hình phạt bổ sung: Cơ quan điều tra đã làm rõ hiện nay gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Dao quắm mà gia đình bị cáo dùng để chặt hạ rừng, do thời gian sử dụng đã lâu không còn sử dụng được, bị cáo đã bán sắt vụn nên không thu giữ được; Các thân cây gỗ bị chặt hạ bị cáo đã đốt thành tro, nên không thu giữ. Do vậy không phải xử lý về vật chứng.

[7] Về vấn đề khác liên quan đến vụ án: Đối với Lù Thị Cvà Vàng A Ư là vợ, con bị cáo chỉ tham gia phát rừng với vai trong người giúp sức. Quá trình phá rừng các đối tượng do hiểu biết còn hạn chế, không nhận thức được là rừng phòng hộ, mặt khác các đối tượng đều làm theo sự chỉ đạo của H, nên cơ quan Cảnh sát điều tra không khởi tố đối với Lù Thị C và Vàng A Ư là có căn cứ.

Đối với cộng đồng bản Nhọt Có đã được giao quản lý khu rừng này, quá trình điều tra đã xác định được trước khi khu rừng bị chặt hạ xã và bản đều không đầu tư gì vào diện tích rừng được giao, chỉ làm công tác quản lý, bảo vệ và nhận tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng, không bị thiệt hại về vật chất. Tại phiên tòa người đại diện cộng đồng dân cư bản không có mặt, tuy nhiên tài liệu trong hồ sơ thể hiện chỉ đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho Nhà nước số thiệt hại bị cáo đã gây ra, không có yêu cầu bồi thường cho cộng đồng dân cư, nên không đặt vấn đề xem xét việc bồi thường cho cộng đồng dân cư bản Nhọt Có.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Diện tích rừng phòng hộ bị chặt hạ là 5.689m^2, lâm sản bị thiệt hại là 720 cây, tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại là 53.422.000đ (năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn đồng), Hội đồng xét xử thấy cần xem xét đến vai trò, mối quan hệ trong gia đình giữa bị cáo và những người liên quan khác để xác định những người phải có trách nhiệm bồi thường cho Nhà nước, do những người cùng tham gia phát phá rừng đều là vợ, con của bị cáo và cùng sinh sống trong một gia đình, đều phụ thuộc nhau về kinh tế, nên cần buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại (khấu trừ số tiền bị cáo đã khắc phục hậu quả là 5.000.000đ). Những người có nghĩa vụ liên quan Lù Thị C và Vàng A Ư không phải bồi thường.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243 BLHS năm 2015 tuyên bố: Bị cáo Vàng A H phạm tội Huỷ hoại rừng.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Vàng A H 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng - Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án, ngày 26/11/2018

Giao bị cáo Vàng A H cho Uỷ ban nhân dân xã Chiềng Cang, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Các Điều 584, 586, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo bồi thường cho Nhà nước số tiền 53.422.000đ (năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn đồng), được khấu trừ số tiền đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0000363 ngày 08/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 48.422.000đ (bốn mươi tám triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn đồng).

Nộp ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo phải bồi thường.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.421.000đ (hai triệu bốn trăm hai mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự. Tổng cộng là 2.621.000đ (hai triệu sáu trăm hai mươi mốt ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/11/2018), nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Công an;
- CCTHA Dân sự;
- THA Hình sự;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Sở TP;
-UBND xã Chiềng Cang;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bá Toàn